

Câu 1. Cho biết alen trội là trội hoàn toàn so với alen lặn. Phép lai nào sau đây cho đời con có tỷ lệ kiểu hình 1:1?

- A. Aa × aa. B. AA × aa. C. Aa × AA. D. AA × AA.

Câu 2. Phân hóa bò sát trong lịch sử sinh giới xuất hiện ở kỷ nào:

- A. Kỷ Cacbon. B. Kỷ Pecmi. C. Kỷ tam điệp D. Kỷ Ôcđôvic

Câu 3. Sự thụ tinh giữa giao tử (n+1) với giao tử n sẽ tạo nên

- A. thể 1 nhiễm.
B. thể ba nhiễm.
C. thể khuyết nhiễm
D. thể 4 nhiễm hoặc thể ba nhiễm kép.

Câu 4. Còdon nào sau đây mang tín hiệu kết thúc quá trình dịch mã?

- A. 5'AXX3'. B. 5'UGA3'. C. 5'AGX3' D. 5'AGG3'.

Câu 5. Độ đóng mở của khí khổng chủ yếu phụ thuộc vào yếu tố nào?

- A. Các ion khoáng. B. Hàm lượng nước
C. Hàm lượng protein D. Hàm lượng lipit và vitamin.

Câu 6. Sự kết hợp giữa giao tử 2n của loài A với giao tử 2n của loài B tạo thể

- A. song nhị bội B. bốn nhiễm kép. C. bốn nhiễm. D. tứ bội.

Câu 7. Theo lí thuyết, cơ thể có kiểu gen AaBBDD giảm phân tạo ra loại giao tử aBD chiếm tỉ lệ

- A. 15%. B. 50%. C. 25%. D. 100%.

Câu 8. Theo quan niệm hiện đại, nguồn nguyên liệu của chọn lọc tự nhiên là

- A. thường biến, đột biến gen. B. đột biến, biến dị tổ hợp.
C. đột biến NST. D. thường biến.

Câu 9. Ở loài nào sau đây, giới đực có cặp nhiễm sắc thể XY?

- A. Trâu. B. Vịt. C. Bò câu. D. Gà.

Câu 10. Cơ thể có kiểu gen nào sau đây là cơ thể đồng hợp tử về các cặp gen đang xét?

- A. AabbDD B. aaBbdd C. AAAbbDD D. aaBBDD

Câu 11. Dạ dày có 4 túi là của các động vật nào sau đây?

- A. Trâu, thỏ, dê. B. Ngựa, hươu, bò. C. Ngựa, bò, dê. D. Trâu, bò, dê

Câu 12. Cho biết alen A quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen a quy định hoa trắng. Theo lí thuyết, phép lai nào sau đây cho kiểu hoa đỏ ở đời con chiếm 75%?

- A. AA×aa. B. Aa×AA. C. Aa×aa. D. Aa×Aa.

Câu 13. Cơ quan nào dưới đây là cơ quan tương đồng?

- A. Vây cá mập và cánh bướm. B. Mang cá và mang tôm.
C. Chân chuột chũi và chân dế chũi. D. Tay người và vây cá voi

Câu 14. Theo lí thuyết, phép lai nào sau đây đời con có kiểu gen phân li theo tỉ lệ 1: 2: 1?

- A. AA × aa. B. Aa × Aa C. Aa × aa. D. AA × AA.

Câu 15. Vùng cấu trúc của nhiễm sắc thể đóng vai trò là nơi liên kết với thoi phân bào trong quá trình phân bào là

- A. Cánh ngắn B. Cánh dài C. Đầu nút D. Tâm động

Câu 16. Trong các mức cấu trúc siêu hiển vi của nhiễm sắc thể điển hình ở sinh vật nhân thực, mức cấu trúc nào sau đây có đường kính 300 nm?

- A. Sợi nhiễm sắc
C. Cromatit

- B. Vùng xếp cuộn (siêu xoắn).
D. Sợi cơ bản.

Câu 17. Nucleotit là đơn phân cấu tạo nên

- A. ADN polimeraza. B. ARN polimeraza. C. protein. D. ADN và ARN.

Câu 18. Theo lí thuyết, tập hợp sinh vật nào sau đây là một quần thể?

- A. Chim ở Trường Sa. B. Cá ở Hồ Tây.
C. Gà Lôi ở rừng Kẻ Gỗ. D. Cây hạt kín ở rừng Bạch Mã.

Câu 19. Tuổi trung bình các cá thể sinh vật có trong một quần thể được gọi là:

- A. Tuổi sinh lí B. Tuổi đời C. Tuổi quần thể D. Tuổi sinh thái

Câu 20. Khoảng giá trị xác định của một nhân tố sinh thái mà trong khoảng đó sinh vật có thể tồn tại và phát triển ổn định theo thời gian được gọi là:

- A. Môi trường. B. Ô sinh thái.
C. Giới hạn sinh thái. D. Sinh cảnh.

Câu 21. Trong chọn giống, để loại bỏ một gen có hại ra khỏi nhóm gen liên kết người ta thường gây đột biến

- A. đảo đoạn nhiễm sắc thể B. lặp đoạn lớn nhiễm sắc thể.
C. lặp đoạn nhỏ nhiễm sắc thể. D. mất đoạn nhỏ nhiễm sắc thể.

Câu 22. Cho các phát biểu sau có bao nhiêu phát biểu đúng:

- (1). Dịch mạch rây rất nhiều ion Na^+ làm cho dịch mạch rây có pH từ 8,0-8,5
(2). Dịch mạch gỗ có xitôkinin được tổng hợp ở rễ
(3). Lượng nước mà rễ hút vào lớn hơn lượng nước thoát ra dẫn tới mất cân bằng nước
(4) Nguyên tố dinh dưỡng khoáng cần cho một số ít loài cây là: Na, Si, Co
(5) Trong hệ tuần hoàn của người, khi tâm thất co máu sẽ đổ vào tĩnh mạch

- A. 4 B. 2 C. 3 D. 5

Câu 23. Cho bảng sau đây về đặc điểm của một số hình thức ứng dụng di truyền học trong tạo giống bằng công nghệ tế bào:

Loại ứng dụng	Đặc điểm
(1) Nuôi cấy hạt phấn sau đó lưỡng bội hóa	(a) Từ một mô sinh dưỡng ban đầu có thể tạo ra một số lượng lớn cá thể có kiểu gen hoàn toàn giống nhau chỉ trong một thời gian ngắn.
(2) Nuôi cấy mô thực vật.	(b) Được xem là công nghệ cấy truyền phôi ở động vật
(3) Tách phôi động vật thành nhiều phần, mỗi phần phát triển thành một phôi riêng biệt	(c) Có sự dung hợp giữa nhân tế bào sinh dưỡng với tế bào chất của trứng.
(4) Nhân bản vô tính bằng kĩ thuật chuyển nhân ở động vật	(d) Tạo được các dòng đồng hợp về tất cả các cặp gen.
(5) Dung hợp tế bào trần	(e) Cơ thể lai mang bộ NST của hai loài bố mẹ.

Tổ hợp ghép đúng là:

- A. 1d, 2c, 3b, 4e, 5a. B. 1d, 2b, 3a, 4c, 5e.
C. 1d, 2a, 3b, 4c, 5e. D. 1e, 2a, 3b, 4c, 5a.

Câu 24. Giả sử ở loài A, kích thước tối thiểu của quần thể là 30 cá thể. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- (I.) Một quần thể của loài này có 80 cá thể nhưng do tác động của lũ lụt dẫn tới 57 cá thể bị chết, chỉ còn lại 23 cá thể. Một thời gian sau, số lượng cá thể sẽ giảm dần và quần thể sẽ bị diệt vong.
(II.) Một quần thể của loài này chỉ có 20 cá thể. Nếu được cung cấp đủ các điều kiện sống thì tỉ lệ sinh sản tăng, tỉ lệ tử vong giảm, quần thể sẽ tăng trưởng.
(III.) Một quần thể của loài này có 60 cá thể. Nếu môi trường được bổ sung thêm nhiều nguồn sống thì tỉ lệ

sinh sản tăng, tỉ lệ tử vong giảm và quần thể sẽ tăng kích thước cho đến khi cân bằng với sức chứa của môi trường.

(IV). Một quần thể của loài này chỉ có 20 cá thể thì sự hỗ trợ cùng loài thường giảm.

A. 1. B. 4. C. 2. D. 3.

Câu 25. Một loài thực vật, xét 6 gen mã hóa 6 chuỗi pôlipeptit nằm trên đoạn không chứa tâm động của một nhiễm sắc thể. Từ đầu mút nhiễm sắc thể, các gen này sắp xếp theo thứ tự: M, N, P, Q, S, T.

Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

(I). Đột biến mất 1 cặp nuclêôtit ở giữa gen M sẽ làm thay đổi trình tự codon của các phân tử mRNA được phiên mã từ các gen N, P, Q, S và T.

(II). Nếu xảy ra đột biến chuyển đoạn nhiễm sắc thể làm cho gen N chuyển vào vị trí giữa gen S và gen T thì có thể làm thay đổi mức độ hoạt động của gen N.

(III). Nếu xảy ra đột biến lặp đoạn nhiễm sắc thể chứa gen N và gen P thì có thể tạo điều kiện cho đột biến gen, tạo nên các gen mới.

(IV). Nếu xảy ra đột biến điểm ở gen S thì luôn làm thay đổi thành phần các loại nuclêôtit của gen này.

A. 2 B. 3. C. 4. D. 1.

Câu 26. Khi nói về cơ chế dịch mã, có bao nhiêu nhận định **đúng** trong các nhận định sau?

(1.) Trên một phân tử mRNA hoạt động của chuỗi pôli Ribôxôm giúp tạo ra các chuỗi polipeptit khác loại

(2). Khi dịch mã, riboxom dịch chuyển theo chiều 3' - 5' trên phân tử mRNA.

(3). Với bộ ba UAG trên mRNA thì tARN mang đối mã là AUX

(4). Các chuỗi polipeptit sau dịch mã được cắt bỏ axit amin mở đầu và tiếp tục hình thành các cấu trúc bậc cao hơn để trở thành prôtêin có hoạt tính sinh học.

(5.) Sau khi hoàn tất quá trình dịch mã, ribôxôm tách khỏi mRNA và giữ nguyên cấu trúc để chuẩn bị cho quá trình dịch mã tiếp theo.

A. 3 B. 1. C. 4. D. 2.

Câu 27. Sau mỗi lần có sự giảm mạnh về số lượng cá thể thì quần thể thường tăng kích thước và khôi phục trạng thái cân bằng. Quần thể của loài sinh vật nào sau đây có khả năng khôi phục kích thước nhanh nhất.

A. Quần thể có tốc độ sinh sản nhanh, kích thước cá thể lớn.

B. Quần thể có tốc độ sinh sản chậm, kích thước cá thể lớn

C. Quần thể có tốc độ sinh sản nhanh, kích thước cá thể bé, tuổi thọ ngắn.

D. Quần thể có tốc độ sinh sản nhanh, kích thước cá thể bé.

Câu 28. Khi nói về quá trình phiên mã, phát biểu nào sau đây đúng?

A. Trong quá trình phiên mã có sự tham gia của ribôxôm.

B. Enzim xúc tác cho quá trình phiên mã là ADN polimeraza.

C. Quá trình phiên mã diễn ra theo nguyên tắc bổ sung và nguyên tắc bán bảo tồn.

D. Trong quá trình phiên mã, phân tử mRNA được tổng hợp theo chiều 5' -3'.

Câu 29. Một loài thực vật, xét 1 gen có 2 alen, alen A trội hoàn toàn so với alen a. Nghiên cứu thành phần kiểu gen của một quần thể thuộc loài này qua các thế hệ thu được kết quả ở bảng sau:

Thành phần kiểu gen	Thế hệ P	Thế hệ F ₁	Thế hệ F ₂	Thế hệ F ₃	Thế hệ F ₄
AA	7/10	16/25	3/10	1/4	4/9
Aa	2/10	8/25	4/10	2/4	4/9
aa	1/10	1/25	3/10	1/4	1/9

Giả sử sự thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể qua mỗi thế hệ chỉ do tác động của nhiều nhất là 1 nhân tố tiến hóa. Cho các phát biểu sau:

(I.) Quần thể này là quần thể giao phối ngẫu nhiên.

(II). Sự thay đổi thành phần kiểu gen ở F₂ có thể do tác động của các yếu tố ngẫu nhiên.

(III). Có thể môi trường sống thay đổi nên hướng chọn lọc thay đổi dẫn đến tất cả các cá thể mang kiểu hình lặn ở F₃ không còn khả năng sinh sản.

(IV). Nếu F_4 vẫn chịu tác động của chọn lọc như ở F_3 thì tần số kiểu hình lặn ở F_5 là $1/16$.

Theo lý thuyết, trong các phát biểu trên, có bao nhiêu phát biểu đúng?

- A. 3. B. 1. C. 2. D. 4

Câu 30. cho các phát biểu sau:

(1). Trong ống tiêu hóa của giun đất có điều

(2) Gà và chim ăn hạt không nhai, do vậy trong điều có nhiều dịch tiêu hóa để biến đổi thức ăn trước khi xuống ruột non.

(3). Ống tiêu hóa của châu chấu có mề

(4). Thú ăn thịt dùng răng cắt, xé nhỏ thức ăn sau đó nhai và nuốt

Số phát biểu đúng:

- A. 3 B. 2 C. 4 D. 1

Câu 31. Ở ruồi giấm, alen A quy định thân xám trội hoàn toàn so với alen a quy định thân đen, alen B quy định, cánh dài trội hoàn toàn so với alen b quy định cánh cụt. Hai cặp gen này cùng nằm trên một cặp NST thường. Alen D quy định mắt đỏ trội hoàn toàn so với alen d quy định mắt trắng. Gen quy định màu mắt nằm

trên NST giới tính X, không có alen tương ứng trên Y. Thực hiện phép lai $\frac{AB}{ab} X^D X^d \times \frac{Ab}{ab} X^d Y$ thu được F_1 . Ở F_1 , ruồi thân đen cánh cụt mắt đỏ chiếm tỉ lệ 10%. Theo lý thuyết, có bao nhiêu dự đoán sau đây đúng?

(I.) Tỷ lệ ruồi đực mang một trong 3 tính trạng trội ở F_1 chiếm 13,75%.

(II.) Tỷ lệ ruồi cái dị hợp về 2 trong 3 cặp gen ở F_1 chiếm 18,75%.

(III.) Tỷ lệ ruồi đực có kiểu gen mang 2 alen trội chiếm 15%.

(IV.) Tỷ lệ ruồi cái mang 3 alen trội trong kiểu gen chiếm 12,5%

- A. 2 B. 4 C. 1 D. 3

Câu 32. Ở một loài động vật, tính trạng màu lông do sự tương tác của hai alen trội A và B quy định: kiểu gen có cả hai loại alen trội A và B quy định lông đen, kiểu gen chỉ có một loại alen trội A hoặc B quy định lông nâu kiểu gen không có alen trội nào quy định lông trắng. Cho phép lai P: AaBb x Aabb thu được F_1 . Theo lý thuyết phát biểu nào sau đây đúng?

A. Trong tổng số các cá thể thu được ở F_1 số cá thể lông đen có kiểu gen dị hợp tử về hai cặp gen chiếm tỉ lệ 12,5%.

B. Ở F_1 có 4 kiểu gen quy định kiểu hình lông nâu.

C. Trong tổng số các cá thể thu được ở F_1 , số cá thể lông đen chiếm tỉ lệ lớn nhất.

D. Nếu cho các cá thể lông đen ở F_1 giao phối ngẫu nhiên với nhau sẽ thu được đời con có số cá thể lông nâu gấp 11 lần số cá thể lông trắng.

Câu 33. Ở một loài thực vật lưỡng bội, alen A quy định hoa tím trội hoàn toàn so với alen a quy định hoa trắng. Cho các cây hoa tím (P) lai với cây hoa tím có kiểu gen dị hợp tử, F_1 thu được kiểu hình phân li theo tỉ lệ 11 hoa tím: 1 hoa trắng. Trong các nhận định sau:

(1). F_1 có 3 kiểu gen quy định cây hoa tím.

(2). F_1 có tỉ lệ phân li kiểu gen là 2:2:1

(3.) Trong số những cây hoa tím F_1 , cây có kiểu gen đồng hợp chiếm tỉ lệ $5/11$.

(4). Cho các cây hoa tím F_1 tự thụ phấn, xác suất thu được hoa trắng ở đời con là 13,6%.

(5). Cho các cây hoa tím F_1 tự thụ phấn, xác suất thu được cây hoa tím dùng làm giống ở đời con là 54%.

Số nhận định đúng là:

- A. 2 B. 1 C. 4 D. 3

Câu 34. Quy luật di truyền của Mendel Màu sắc cánh hoa ở một loài thực vật do một gen (A) gồm 4 alen nằm trên NST thường quy định. Alen A^D quy định màu đỏ, alen A^C quy định màu cam, alen A^V quy định màu vàng và alen A^t quy định màu trắng, quy luật trội lặn như sau: $A^D > A^C > A^V > A^t$. Một quần thể ở trạng thái cân bằng với tỷ lệ như sau: 51% cây hoa đỏ: 13% cây hoa cam: 32% cây hoa vàng: 4% cây hoa trắng. Nếu lấy một cây hoa đỏ trong quần thể này cho giao phấn với cây hoa vàng trong quần thể này thì xác suất để có một cây hoa trắng ở đời con là:

- A. $8/17$ B. $1/136$ C. $8/51$ D. $1/34$

Câu 35. Ở một loài thực vật, xét 2 cặp gen Aa, Bb phân li độc lập, mỗi gen quy định một tính trạng, alen trội là trội hoàn toàn. Cho P có kiểu hình mang hai tính trạng trội giao phấn với nhau thu được F₁ gồm 4 loại kiểu hình. Lấy toàn bộ các cây có kiểu hình giống P cho tự thụ phấn tạo ra F₂. Theo lý thuyết, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Tỷ lệ kiểu gen dị hợp 2 cặp gen trong số các cá thể mang hai tính trạng trội ở F₂ chiếm 19%.
- B. Tỷ lệ kiểu hình lặn về cả hai tính trạng ở F₂ chiếm 2/36.
- C. Tỷ lệ kiểu hình giống P ở F₂ chiếm 26/36.
- D. Tỷ lệ kiểu gen dị hợp về 1 cặp gen ở F₂ chiếm 4/9.

Câu 36. Ở đậu Hà Lan, alen A quy định thân cao trội hoàn toàn so với alen a quy định thân thấp; alen B quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen b quy định hoa trắng. Hai cặp gen này phân li độc lập. Biết rằng không xảy ra đột biến, chọn 3 cây thân cao, hoa đỏ P cho giao phấn ngẫu nhiên được F₁. Theo lý thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- (I), F₁ có thể có kiểu hình 100% cao đỏ.
- (II), Nếu ở F₁ thấp trắng chiếm 1/144 thì có 1 cây P dị hợp 2 cặp gen
- (III), Nếu 3 cây P có kiểu gen khác nhau thì F₁ có tỷ lệ kiểu hình là 29:3:3:1
- (IV), Nếu có 2 cây P dị hợp 2 cặp gen thì F₁ có thể có tỷ lệ kiểu hình là 27:5:3:1.

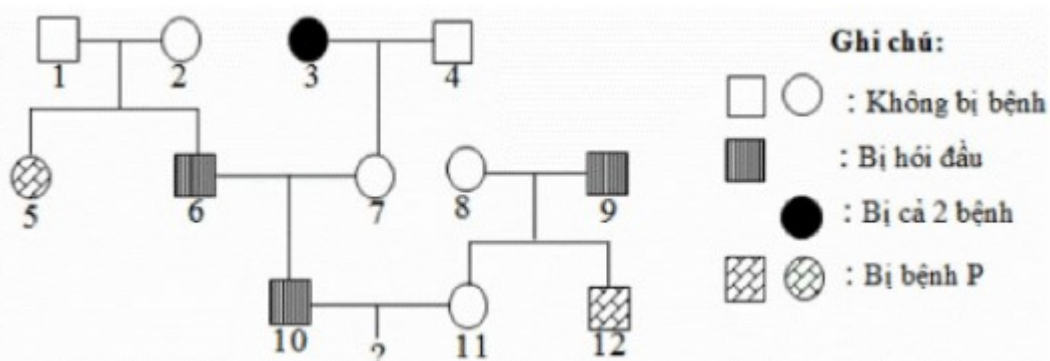
- A. 3
- B. 1
- C. 2
- D. 4

Câu 37. Ở một loài thực vật, alen A : hạt tròn trội hoàn toàn so với a : hạt dài; B : thân cao trội hoàn toàn so với b : thân thấp. Cho cây thân cao, nảy mầm từ hạt tròn giao phấn với cây thân cao, nảy mầm từ hạt tròn (P). Ở thế hệ F₁ gồm 4 loại kiểu hình khác nhau. Người ta chọn ngẫu nhiên một hạt dài ở F₁ đem gieo, xác suất để hạt nảy mầm thành cây thân cao là 84%. Biết không xảy ra đột biến, nếu xảy ra hoán vị với tần số khác 50%. Tính theo lý thuyết, trong các kết luận sau, có bao nhiêu kết luận đúng?

- (1) Ở F₁ gồm 4 kiểu gen quy định hạt tròn, thân cao.
- (2) Ở F₁ gồm 10 kiểu gen khác nhau.
- (3) Chọn ngẫu nhiên một hạt tròn ở F₁ mang đem gieo, xác suất hạt nảy mầm thành cây thân thấp là 21/75.
- (4) Ở F₁ hạt tròn, thân cao chiếm tỷ lệ 56%.
- (5) Hai cây mang lai có kiểu gen giống nhau và quá trình giảm phân đều xảy ra với tần số 20%.

- A. 3
- B. 1
- C. 2
- D. 4

Câu 38. Cho sơ đồ phả hệ sau:



Biết rằng hai cặp gen quy định hai tính trạng nói trên không cùng nằm trong một nhóm gen liên kết; bệnh hội đầu do alen trội H nằm trên nhiễm sắc thể thường quy định, kiểu gen dị hợp Hh biểu hiện hội đầu ở người nam và không hội đầu ở người nữ và quần thể này ở trạng thái cân bằng và có tỷ lệ người bị hội đầu là 20%. Theo lý thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- (I). Có tối đa 8 người có kiểu gen đồng hợp về tính trạng hội đầu.
- (II). Có 9 người xác định được chính xác kiểu gen về cả hai bệnh.
- (III). Khả năng người số 10 mang ít nhất 1 alen lặn là 13/15.
- (IV). Xác suất để cặp vợ chồng số 10 và 11 sinh ra một đứa con gái không hội đầu và không mang alen gây bệnh P là 21/110.

A. 4

B. 1

C. 3

D. 2

Câu 39. Ở một loài thú, màu lông được quy định bởi một gen nằm trên nhiễm sắc thể thường có 4 alen: alen C^b quy định lông đen, alen C^y quy định lông vàng, alen C^g quy định lông xám và alen C^w quy định lông trắng. Trong đó alen C^b trội hoàn toàn so với các alen C^y , C^g và C^w ; alen C^y trội hoàn toàn so với alen C^g và C^w ; alen C^g trội hoàn toàn so với alen C^w . Tiến hành các phép lai để tạo ra đời con. Cho biết không xảy ra đột biến. Theo lý thuyết, có bao nhiêu kết luận sau đây đúng?

- (1) Phép lai giữa hai cá thể có cùng kiểu hình tạo ra đời con có tối đa 4 loại kiểu gen và 3 loại kiểu hình.
- (2) Phép lai giữa hai cá thể có kiểu hình khác nhau luôn tạo ra đời con có nhiều loại kiểu gen và nhiều loại kiểu hình hơn phép lai giữa hai cá thể có cùng kiểu hình.
- (3) Phép lai giữa cá thể lông đen với cá thể lông vàng hoặc phép lai giữa cá thể lông vàng với cá thể lông xám có thể tạo ra đời con có tối đa 4 loại kiểu gen có tỷ lệ bằng nhau và 3 loại kiểu hình có tỷ lệ 1:2:1.
- (4) Có 3 phép lai (không tính phép lai thuận nghịch) giữa hai cá thể lông đen cho đời con có kiểu gen phân li theo tỉ lệ 1: 1: 1: 1.
- (5) Phép lai giữa hai cá thể có kiểu hình khác nhau cho đời con có tối đa là 3 loại kiểu hình

A. 4.

B. 3.

C. 1.

D. 2.

Câu 40. Ở cà chua, A quy định quả đỏ, trội hoàn toàn so với a quy định quả vàng, B quy định quả tròn trội hoàn toàn so với b quy định quả bầu dục. Cho F_1 lai phân tích thu được kết quả sau: 5 đỏ, tròn: 1 vàng, tròn: 5 đỏ, bầu dục: 1 vàng, bầu dục. Biết nếu loài này bị đột biến dị bội, số lượng NST của thể này tối đa sẽ bằng số lượng NST của thể bốn và tối thiểu là thể ba, không phát sinh các đột biến nào khác nữa, giao tử lệch bội vẫn có sức sống bình thường. Dựa vào kết quả phép lai và đề bài, hãy cho biết có bao nhiêu nhận xét sau **đúng**:

- (1) Tính trạng màu quả và hình dạng quả di truyền phân li độc lập với nhau.
- (2) Tính trạng màu quả và hình dạng quả di truyền liên kết không hoàn toàn.
- (3) Số kiểu gen cây F_1 thỏa mãn phép lai trên là 3
- (4) Nếu biết cây F_1 không ở thể ba thì số kiểu gen cây F_1 thỏa phép lai trên là 2.
- (5) Số phép lai phân tích thỏa đề bài là 30

A. 4

B. 1

C. 2

D. 3

----- **HẾT** -----

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP MÔN SINH LẦN 1

câu	MĐ042	MĐ 043	MĐ 044	MĐ 045	MĐ 046	MĐ 047	MĐ 048	MĐ 049
1	A	C	D	D	D	C	A	D
2	B	A	A	B	B	D	A	D
3	B	D	C	C	C	B	B	B
4	B	B	B	A	D	A	C	B
5	B	C	D	A	B	B	B	A
6	A	C	A	D	B	D	B	B
7	C	D	A	C	B	A	D	C
8	B	A	A	C	A	D	D	C
9	A	B	D	A	B	A	D	C
10	C	C	A	A	D	B	B	D
11	D	A	A	A	C	A	C	B
12	D	D	C	D	B	D	A	A
13	D	B	C	C	A	B	B	C
14	B	B	D	D	A	A	C	A
15	D	A	A	D	C	D	D	C
16	B	D	D	B	B	C	D	A
17	D	B	A	B	B	B	A	A
18	C	C	B	D	D	B	B	A
19	C	A	C	C	C	B	A	A
20	C	B	B	B	D	A	B	D
21	D	A	B	C	C	C	C	B
22	B	C	D	A	D	A	B	C
23	C	B	D	A	A	B	C	A
24	D	A	B	C	D	D	D	C
25	A	D	C	C	D	D	B	D
26	B	B	C	D	C	C	A	B
27	C	A	B	D	A	D	A	D
28	D	A	C	C	D	C	B	D
29	D	B	B	A	A	B	B	A
30	D	B	A	C	D	D	C	D
31	B	C	B	A	B	A	C	C
32	D	C	D	C	A	C	D	B
33	A	C	C	A	C	D	D	B
34	D	A	D	A	B	B	C	B
35	D	A	A	B	A	C	C	B
36	C	D	A	B	D	C	C	D
37	B	C	B	C	D	D	D	D
38	C	A	B	A	D	D	C	D
39	B	A	C	B	D	A	B	B
40	D	D	B	A	A	C	D	A